

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ  
(NGOÀI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, XE Ô TÔ)

| TÀI SẢN                           | KÝ HIỆU  | NƯỚC SẢN XUẤT | NĂM SẢN XUẤT | NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG | GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng) |          |                 | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG |                     |    |    |    |              |    |
|-----------------------------------|----------|---------------|--------------|--------------------------|--------------------------------------|----------|-----------------|--------------------|---------------------|----|----|----|--------------|----|
|                                   |          |               |              |                          | Nguyên giá                           |          | Giá trị còn lại | Quản lý nhà nước   | Hoạt động sự nghiệp |    |    |    | Sử dụng khác |    |
|                                   |          |               |              |                          | Tổng cộng                            | Trong đó |                 |                    |                     |    |    |    |              |    |
|                                   |          |               |              |                          |                                      | Nguồn NS |                 |                    | Nguồn khác          |    |    |    |              |    |
| 1                                 | 2        | 3             | 4            | 5                        | 6                                    | 7        | 8               | 9                  | 10                  | 11 | 12 | 13 | 14           | 15 |
| 1- Kiot điểm danh, khai báo y tế  | TS000039 |               | 2021         | 30/03/2022               | 43.266                               |          | 43.266          | 37.858             |                     | X  |    |    |              |    |
| 2- Kiot điểm danh, khai báo y tế  | TS000040 |               | 2021         | 30/03/2022               | 43.266                               |          | 43.266          | 37.858             |                     | X  |    |    |              |    |
| 3- Máy quét HP SCANJET Pro 3000S4 | TS00221  |               |              | 14/12/2023               | 10.450                               |          | 10.450          | 8.360              |                     | X  |    |    |              |    |
| Tổng cộng:                        |          |               |              |                          | 96.983                               |          | 96.983          | 84.076             |                     |    |    |    |              |    |

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☒